TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Năm và ông Nguyễn Việt Thắng

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phan Việt Xô – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 382/2018/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 277/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Trần P**, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã LL, thành phố CM, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn*: Bà **Tô Tuyết N**, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã KB, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 01/6/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần P trình bày:

Ông và bà Tô Tuyết N tự nguyện kết hôn năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã KB, huyện TVT. Trong thời gian chung sống bà N không quan tâm đến cuộc sống gia đình, có nhiều bất đồng dẫn đến thường xuyên cự cải, mâu thuẫn ngày càng không thể hàn gắn nên ly thân nhau hơn 01 năm nay và yêu cầu được ly hôn với bà N.

Quá trình chung sống ông và bà N không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản ghi nhận ý kiến của đương sự ngày 05/7/2018 bà Tô Tuyết N trình bày:

Bà ly thân với ông P từ tết năm 2018 nhưng ở riêng, ăn riêng đã 05 năm nay vì mâu thuẫn không hàn gắn chung sống lại được và muốn chấm dứt mối quan hệ hôn nhân để giải thoát cho 02 bên. Nay bà đồng ý thuận tình ly hôn với ông Trần P. Về con chung, tài sản chung và nợ chung bà xác định không có. Nay bà bận công việc làm ăn nên xin vắng mặt, không tham gia hòa giải và xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án bà N có yêu cầu xin vắng mặt không tham gia hòa giải và phiên tòa sơ thẩm. Do đó, căn cứ khoản 4 Điều 207 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Thấy rằng ông P và bà N tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 06/6/2011 tại UBND xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông P xác định mâu thuẫn trầm trọng và yêu cầu ly hôn. Đối với bà N cũng xác định không thể hàn gắn chung sống nên đồng ý ly hôn với ông P. Việc ông bà cùng có yêu cầu ly hôn là tự nguyện, trên cơ sở nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đúng như các mâu thuẫn ông P đặt ra để khởi kiện xin ly hôn. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông P là có cơ sở.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống ông P và bà N đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia

đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông P. Cho ông Trần P được ly hôn với bà Tô Tuyết N.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết.

- Án phí hôn nhân gia đình ông P phải chịu 300.000 đồng, ông dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0008237 ngày 04/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời nay được chuyển thu, ông P đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M:HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên